**PHỤ LỤC 2**

BẢNG ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG HỌC AN TOÀN, PHÒNG CHỐNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
*(Nhà trường tự đánh giá)*

Tên trường:

Địa chỉ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Không đạt** |
| **I** | **Tổ chức nhà trường** |  |  |
| 1 | Có Ban chỉ đạo công tác y tế trường học |  |  |
| 2 | Có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Y tế học đường |  |  |
| 3 | Có tủ thuốc và các dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu |  |  |
| 4 | Thực hiện dạy đủ các tiết học về tai nạn thương tích |  |  |
| 5 | Có kế hoạch hoạt động xây dựng trường học an toàn |  |  |
| 6 | Có các quy định về phát hiện và xử lý khi xảy ra tai nạn thương tích ở trường học |  |  |
| 7 | Có các phương án dự phòng cứu nạn khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, ngộ độc |  |  |
| 8 | Thường xuyên kiểm tra phát hiện và khắc phục các yếu tố nguy cơ thương tích |  |  |
| 9 | Các thành viên trong nhà trường được cung cấp những kiến thức về yếu tố nguy cơ và cách phòng, chống tai nạn, thương tích |  |  |
| **II** | **Phòng chống ngã** |  |  |
| 1 | Đường đi, sân trường bằng phẳng, không trơn trượt, mấp mô |  |  |
| 2 | Các cây cao, cổ thụ ở sân trường được chặt tỉa cành trước mùa mưa bão và có rào chắn hoặc nội quy để học sinh không leo trèo |  |  |
| 3 | Ban công và cầu thang có tay vịn, lan can chắc chắn |  |  |
| 4 | Bàn ghế vững chắc, mặt bàn nhẵn, góc bàn không nhọn, đảm bảo khoảng cách theo quy định |  |  |
| 5 | Dụng cụ tập luyện thể dục thể thao bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn |  |  |
| **III** | **Phòng chống tai nạn giao thông** |  |  |
| 1 | Học sinh được học/phổ biến về luật an toàn giao thông |  |  |
| 2 | Xung quanh trường có hệ thống tường rào, cổng chắc chắn và có người quản lý để học sinh không chơi, đùa ngoài đường |  |  |
| 3 | Có biển báo giảm tốc độ ở đoạn đường gần trường và có biện pháp chống ùn tắc giao thông giờ vào học và giờ tan trường |  |  |
| **IV** | **Phòng chống đuối nước** |  |  |
| 1 | Giếng, dụng cụ chứa nước có nắp đậy chắc chắn |  |  |
| 2 | Có hàng rào chắc chắn quanh ao, hồ và những hố nước, hố vôi trong khu vực trường học |  |  |
| V | Phòng chống đánh nhau, bạo lực trong trường học |  |  |
| 1 | Không có các vụ đánh nhau trong trường học gây tai nạn thương tích |  |  |
| 2 | Học sinh không được mang các vật sắc nhọn, dao, súng cao su, chất nổ, chất độc, hại và các hung khí đến trường |  |  |
| **VI** | **Phòng chống bỏng, điện giật, cháy nổ** |  |  |
| 1 | Có nội quy phòng, chống điện giật, cháy nổ |  |  |
| 2 | Hệ thống điện trong lớp học, xưởng trường, thư viện, phòng thí nghiệm v.v… đảm bảo quy định về an toàn điện |  |  |
| 3 | Bảng điện có nắp đậy và có khóa bảo vệ |  |  |
| 4 | Phòng thí nghiệm có nội quy, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ, hóa chất… |  |  |
| 5 | Có trang, thiết bị phòng, chữa cháy đặt ở nơi thuận tiện cho việc sử dụng |  |  |
| **VII** | **Phòng chống ngộ độc** |  |  |
| 1 | Nhân viên nhà ăn được tập huấn về an toàn vệ sinh thực phẩm và khám sức khỏe định kỳ theo quy định |  |  |
| 2 | Bếp nấu ăn ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ, có cửa ngăn cách với khu chế biến thực phẩm |  |  |
| 3 | Nguồn thực phẩm cung cấp đảm bảo vệ sinh, an toàn, có mẫu lưu thức ăn hàng ngày theo quy định |  |  |
| 4 | Quy trình chế biến, nấu nướng theo nguyên tắc bếp ăn một chiều |  |  |
| 5 | Trong khuôn viên của nhà trường không trồng những cây có vỏ, lá, hoa chứa chất độc hại và mùi hôi thối |  |  |

Ghi chú: Cách đánh giá

- Đạt: Thực hiện tốt nội dung trong bảng đánh giá

- Chưa đạt: Chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt các nội dung trên

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày      tháng        năm  XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT  (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) | Ngày       tháng        năm  TM. BAN GIÁM HIỆU  (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |